

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Số: 56.21.QĐ-ACBS.22

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Giấy phép hoạt động kinh doanh số 06/GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 29/06/2000;
- Căn cứ Quyết định số 3237/TCQĐ-HĐQT.15 ngày 02/10/2015 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Á Châu về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Chứng khoán ACB;
- Căn cứ Quyết định số 4058/TCQĐ-HĐQT.22 ngày 10/10/2022 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Á Châu về Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) nhiệm kỳ 2018-2023;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Chứng khoán ACB;
- Căn cứ nhu cầu công việc.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Hội đồng thành viên nhất trí thông qua và ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế công bố thông tin của Công ty TNHH Chứng khoán ACB.
- Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 45.1/QĐ-ACBS.22 ngày 30/09/2022 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty TNHH Chứng khoán ACB.
- Điều 3:** Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong hệ thống Công ty TNHH Chứng khoán ACB chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- P. HCTH "lưu".

Đính kèm:

- Quy chế công bố thông tin của Công ty TNHH Chứng khoán ACB;
- Phụ lục về hoạt động công bố thông tin.



ĐỖ MINH TOÀN

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Mục đích	2
Điều 2. Phạm vi áp dụng	2
Điều 3. Viện dẫn.....	2
Điều 4. Một số định nghĩa.....	3
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin.....	4
Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin.....	5
Điều 7. Phương tiện công bố thông tin	5
Điều 8. Quy định về trang thông tin điện tử.....	6
Điều 9. Tạm hoãn công bố thông tin.....	6
CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
Điều 10. Công bố thông tin định kỳ	6
Điều 11. Công bố thông tin bất thường.....	6
Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu UBCKNN, SGDCK	6
Điều 13. Công bố thông tin liên quan đến phát hành trái phiếu ACBS	7
Điều 14. Công bố thông tin liên quan đến giao dịch ký quỹ.....	7
Điều 15. Công bố thông tin liên quan đến chứng khoán phái sinh	7
Điều 16. Công bố thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán trực tuyến.....	7
Điều 17. Công bố thông tin liên quan đến chứng quyền.....	7
Điều 18. Công bố thông tin khác	7
CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	7
Điều 19. Hiệu lực thi hành	7
Điều 20. Sửa đổi, bổ sung	7



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~56~~ 21/QĐ-ACBS.22 ngày 08... tháng 11... năm 2022 của

Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy trình này nhằm thống nhất hoạt động công bố thông tin tại ACBS, là cơ sở để phân định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện hoạt động công bố thông tin tại ACBS, đồng thời cũng là cơ sở cho việc kiểm tra, đánh giá để hoàn thiện hoạt động công bố thông tin theo yêu cầu nội bộ ACBS, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định pháp luật.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này hướng dẫn việc thực hiện hoạt động công bố thông tin tại ACBS.
2. Quy chế này áp dụng đối với toàn hệ thống ACBS và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động công bố thông tin tại ACBS.

Điều 3. Viện dẫn

1. Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
2. Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
3. Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
4. Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 Quy định về hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm;
5. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Quy định về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
6. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
7. Thông tư 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Quy định về hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
8. Quyết định 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán;
9. Quyết định số 14/QĐ-SGDVN ngày 19/10/2021 về việc ban hành Quy chế Vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
10. Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Công ty con;
11. Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 về việc ban hành Quy chế Công bố Thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

12. Quyết định số 34/QĐ-SGDHCM ngày 20/01/2021 về việc ban hành Quy chế Niêm yết và Công bố Thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
13. Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
14. Quyết định số 188/QĐ-SGDHN ngày 24/03/2017 ban hành Quy chế Thành viên thị trường chứng khoán phái sinh tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
15. Quyết định số 367/QĐ-SGDHN ngày 29/05/2017 về việc ban hành Quy chế hoạt động của thành viên tạo lập thị trường tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
16. Quyết định số 194/QĐ-SGDHN ngày 16/04/2019 về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của thành viên tạo lập thị trường tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
17. Quyết định số 84/QĐ-VSD ngày 23/06/2022 về việc ban hành Quy chế thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Điều 4. Một số định nghĩa

1. **UBCKNN**: là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. **SGDCK**: là Sở giao dịch Chứng khoán (bao gồm Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội).
3. **Công bố thông tin (CBTT)**: là việc ACBS thực hiện hoạt động công bố thông tin ra công chúng theo quy định pháp luật; đồng thời, ACBS gửi các tài liệu đính kèm khi CBTT đến UBCKNN, SGDCK (sau đây gọi chung là cơ quan hữu quan) theo quy định.
4. **Người phụ trách cung cấp hồ sơ/tài liệu/số liệu/văn bản đến người được ủy quyền CBTT (gọi chung là Người phụ trách)**: là cấp quản lý của lĩnh vực có thể phát sinh thông tin phải được công bố. Người phụ trách là Trưởng/Phó phòng hoặc người tạm thời thực thi chức năng của Trưởng/Phó phòng trong trường hợp không có Trưởng/Phó phòng hoặc Trưởng/Phó phòng đi vắng. Danh sách Người phụ trách các lĩnh vực có thể phát sinh thông tin cần phải công bố theo quy định của pháp luật được quy định cụ thể tại Quy chế này.
5. **Người được ủy quyền công bố thông tin**: theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Quy chế này.
6. **Ngày công bố thông tin**: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy chế này.
7. **Người nội bộ**: là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin được quy định tại Điểm a Khoản 45 Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.
8. **Người có liên quan**: là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 trong các trường hợp sau đây:
 - a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- e) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- f) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Khi phát sinh sự kiện cần phải thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu của pháp luật được quy định tại Phụ lục về hoạt động công bố thông tin, Người phụ trách có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Người được ủy quyền công bố thông tin kèm theo văn bản có liên quan của cơ quan nhà nước (nếu có).
2. Người phụ trách lập các văn bản hoặc báo cáo gửi cho cơ quan hữu quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, bằng chứng khi được yêu cầu cho Người được ủy quyền công bố thông tin để Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện việc công bố thông tin. Trong trường hợp thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ, Người được ủy quyền công bố thông tin có quyền tạm dừng việc công bố thông tin và báo cáo cho Tổng Giám đốc/Chủ tịch Hội đồng thành viên để quyết định.
3. Trong trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đối tượng công bố thông tin công bố nội dung, lý do thay đổi và gửi công văn kèm theo thông tin đính chính đến UBCKNN, SGDCK.
4. Trong trường hợp các thông tin công bố không gửi kịp thời về Người được ủy quyền công bố thông tin dẫn đến công bố thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật hoặc các thông tin công bố không chính xác và đầy đủ; Người phụ trách chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc/Chủ tịch Hội đồng thành viên và pháp luật.
5. Trong trường hợp cần thực hiện đăng tải thông tin công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, truyền hình, đài phát thanh... Người được ủy quyền công bố thông tin có quyền yêu cầu Phòng Truyền thông liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện việc đăng tải thông tin này.
6. Giám đốc các chi nhánh chịu trách nhiệm thực hiện việc công bố thông tin tại trụ sở nơi chi nhánh, phòng giao dịch hoạt động theo đề nghị của người được ủy quyền công bố thông tin hoặc của Người phụ trách theo quy định tại Quy chế công bố thông tin.
7. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, minh bạch, kịp thời theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm:
 - a) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ đồng ý;
 - b) ACBS đăng ký thông tin liên hệ bằng văn bản với UBCKNN, SGDCK bao gồm địa chỉ, website, điện thoại, số fax, địa chỉ email dùng để nhận và CBTT đến UBCKNN, SGDCK.

Trường hợp có sự thay đổi thông tin đã đăng ký, ACBS thông báo cho UBCKNN, SGDCK bằng văn bản tối thiểu 24 giờ trước khi thay đổi có hiệu lực.

8. Trường hợp công bố thông tin bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Điểm a, Khoản 6 Điều này và các đối tượng CBTT không muốn công khai các thông tin này thì gửi đến Người được ủy quyền công bố thông tin 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.
9. Ngôn ngữ thông tin công bố là Tiếng Việt.
10. Phương thức công bố thông tin tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

ACBS thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin tại ACBS.

1. Người được ủy quyền công bố thông tin là người được Người đại diện theo pháp luật giao nhiệm vụ:
 - a) Thực hiện các công việc liên quan đến việc công bố thông tin như kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định công bố thông tin, đề đạt các ý kiến chỉnh sửa quy định, quy trình nội bộ của ACBS về công bố thông tin để đáp ứng các thay đổi của pháp luật.
 - b) Thay mặt Người đại diện theo pháp luật của ACBS ký công văn, báo cáo gửi đến các cơ quan hữu quan để thực hiện việc công bố thông tin.
2. Người được ủy quyền công bố thông tin có quyền theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công bố thông tin của các đơn vị có liên quan được quy định tại Quy chế này nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu về thời gian của pháp luật cũng như tính chính xác và đầy đủ của các thông tin được công bố.
3. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành tại thời điểm xảy ra sự kiện CBTT có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.
4. ACBS báo cáo, báo cáo lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được chỉ định, ủy quyền CBTT theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin;
 - b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
 - c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK;
 - d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - e) Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
 - f) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

TV
HỮU M
KH
CB
P H

2

2. Khi công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
3. ACBS lập trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật theo Điều 8 Quy chế này.
4. ACBS thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện công bố theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
5. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, ACBS thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật ngay sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.
6. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN và trang thông tin điện tử của SGDCK được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và SGDCK.

Điều 8. Quy định về trang thông tin điện tử

1. ACBS khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
2. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng thành viên (nếu có), Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định.
3. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

Điều 9. Tạm hoãn công bố thông tin

1. ACBS phải báo cáo cho UBCKNN và SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện bất khả kháng (như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...), trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, ACBS phải thực hiện công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo đúng quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ

Nội dung công bố thông tin định kỳ tham chiếu theo Mục 1 Phụ lục về hoạt động công bố thông tin.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường

Nội dung công bố thông tin bất thường tham chiếu theo Mục 2 Phụ lục về hoạt động công bố thông tin.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu UBCKNN, SGDCK

Nội dung công bố thông tin theo yêu cầu UBCKNN, SGDCK tham chiếu theo Mục 3 Phụ lục về hoạt động công bố thông tin.

Điều 13. Công bố thông tin liên quan đến phát hành trái phiếu ACBS

Nội dung công bố thông tin liên quan đến việc phát hành trái phiếu ACBS tham chiếu theo Mục 4 Phụ lục về hoạt động công bố thông tin.

Điều 14. Công bố thông tin liên quan đến giao dịch ký quỹ

Nội dung công bố thông tin liên quan đến giao dịch ký quỹ tham chiếu theo Mục 5 Phụ lục về hoạt động công bố thông tin.

Điều 15. Công bố thông tin liên quan đến chứng khoán phái sinh

Nội dung công bố thông tin liên quan đến chứng khoán phái sinh tham chiếu theo Mục 6 Phụ lục về hoạt động công bố thông tin.

Điều 16. Công bố thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán trực tuyến

Nội dung công bố thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán trực tuyến tham chiếu theo Mục 7 Phụ lục về hoạt động công bố thông tin.

Điều 17. Công bố thông tin liên quan đến chứng quyền

Nội dung công bố thông tin liên quan đến chứng quyền tham chiếu theo Mục 8 Phụ lục về hoạt động công bố thông tin.

Điều 18. Công bố thông tin khác

Nội dung công bố thông tin khác tham chiếu theo Mục 9 Phụ lục về hoạt động công bố thông tin.

**CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .08.. tháng 11.. năm 2022.
2. Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong hệ thống Công ty TNHH Chứng khoán ACB chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng thành viên xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động công bố thông tin của ACBS mà chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật mà khác với điều khoản trong Quy chế này thì quy định mới của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin tại ACBS ./.



ĐỖ MINH TOÀN

(Handwritten mark)